

Hát bả trạo ở Quảng Ngãi

Hát bả trạo là một hình thức diễn xướng dân gian gắn liền với lễ cúng cá Ông. “Bả” có nghĩa là chặt, nắm chặt; “trạo” có nghĩa là chèo. Bả trạo là nắm chặt tay chèo thể hiện ý chí vững tay chèo trên biển cả, sẵn sàng đối phó với phong ba. Nội dung hát múa bả trạo kể lại công đức của cá Ông đã ra ơn giúp đỡ người đi biển trong cơn hoạn nạn, nói lên ý chí chịu đựng gian khổ, sự đồng lòng, đồng sức, khát vọng được mùa, ấm no của ngư dân.

Các bài hát múa bả trạo được xây dựng theo một mô hình, trình thức tương đối chặt chẽ, còn phần lời thì có những thay đổi, gia giảm phù hợp với kỳ cúng, quy mô và bối cảnh xã hội.



Có thể nói, trong lễ hội cúng cá Ông, chèo hát bả trạo giữ một vị trí quan trọng trong nghi thức lễ hội, là sinh hoạt tâm linh và văn hoá dân gian đầy bản sắc của cư dân vùng biển. Bên cạnh đội gươm tượng trưng cho đội quân hầu thần Nam Hải, đội hát bả trạo có ba nhân vật sẽ xướng hát chính:

- Tổng mũi: Đứng trên, tay cầm trống lệnh chỉ huy toàn diện đội hát.
- Tổng thương (hay còn gọi là tổng trung): Đứng sau tổng mũi (có nhiệm vụ nấu bếp, tát nước, mua bán).
- Tổng lái: Đứng sau cùng, cầm chèo, lúc sang phải lúc sang trái, giống như đang lái con thuyền. Cả đội bả trạo đều thể hiện động tác mô phỏng sinh hoạt nghề biển. Ba nhân vật trên vừa thuộc bài bản, vừa diễn xuất hài hoà với nhau.

Ban nhạc thường gồm trống châu, trống cơm, sinh, phách, kèn tiêu, kèn trung, đờn cò (nhị)... Đội hát bả trạo thường có 16, 18, 20 người, xếp thành hàng đôi, theo sự điều khiển của tổng mũi. Ca nhạc và vũ đạo ở đây hoà quyện với nhau như một hình thức sân khấu có tuồng tích. Động tác múa và chèo thuyền được cách điệu thành con thuyền đưa linh, mô phỏng sinh hoạt nghề biển.

Chèo hát bả trạo phản ánh tâm tư tình cảm của ngư dân, rất gần gũi với sinh hoạt đời thường. Tuy là hình thức nghi lễ, sinh hoạt tâm linh, nhưng lời ca điệu hát thường sử dụng vốn ca nhạc dân gian địa phương như: Hò khoan, hò giựt chì, hò hụi, hò rị, hò chèo thuyền... để đưa vào trong kết cấu câu chèo hát bả trạo, góp phần làm giảm tính bi ai vốn có trong tế lễ.

Qua tổng thể kịch bản, ta thấy phần ca nhạc được kết cấu rất chặt chẽ, nhất là khi chuyển đoạn, chuyển cảnh trong tình huống cụ thể. Ngoài âm hưởng chính trong toàn bộ kịch bản là: Nói lời tuồng đồ, dùng nhiều hơi Nam ai để tế thần Nam Hải, vừa mang tính trang nghiêm, vừa ai oán. Chèo hát bả trạo ở đây đã vận dụng khéo léo các làn điệu dân ca, dân nhạc gắn với cuộc sống lao động thường nhật và cũng là tiếng lòng của ngư dân các vịnh chài. Các làn điệu dân ca như: Hò Khoan, hò rị, xuất hiện tương đối nhiều trong từng lớp hát của kịch bản. Sự đồng tâm hiệp lực để vượt qua những thử thách nghiệt ngã của thiên nhiên, biển cả và cuộc sống được phản ánh rất rõ ở tiếng hô bao giờ cũng cùng một cao độ của Tổng mũi, Tổng lái, Tổng thương và xô. Và khi kết một đoạn nói lời hoặc hò hát thì bao giờ cũng xuất hiện ba âm tương đối trầm (so với Tổng phổ) ngân dài nghe rất cung kính và buồn thảm.

Âm nhạc ở đây phần lớn sử dụng âm thanh truyền luật với nhịp điệu tương đối tự do. Chính vì thế vai trò của trống đặc biệt quan trọng, không kém tiếng trống châu trong tuồng. Nó giúp người hát và người nghe hoà quyện vào tình thần của kịch bản: Khi thúc dục liên hồi, khi nhẹ nhàng thành kính, khi day dứt buồn đau, là do phần bài bản (bổn tuồng) hầu hết được viết theo thể thơ lục bát ngâm hát và nói lời. Đôi khi có xuất hiện các thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, song thất lục bát, nhưng rất hiếm, nhiều câu ca phiên âm chữ Hán rất thâm thúy bên cạnh nhiều câu ca tiếng Việt rất bình dân mộc mạc. Từ điều này ta có thể kết luận: “Bổn tuồng” trước tiên được các nhà nho gần gũi với giới bình dân sáng tác nên, trên cơ sở chất liệu âm nhạc tuồng và âm nhạc dân gian đầy bản sắc của cư dân biển. Dần dần qua con đường truyền khẩu trong dân gian và do cảm hứng sáng tạo của từng người diễn, cộng vào yếu tố dị bản khó tránh khỏi trong dân ca dân nhạc, “Bổn tuồng” được thêm thắt, bổ sung và sáng tạo không ngừng để phù hợp với từng thời kỳ, từng bối cảnh cụ thể của cuộc sống. Từ một nghi thức tế lễ cổ, chèo hát bả trạo liên tục được cải tiến trên nền định hình của nghi thức và bản chất của niềm tin thiêng liêng, để trở thành một sinh hoạt vừa nghi lễ trang nghiêm, đồng thời là một sinh hoạt văn hoá dân gian đậm đà bản sắc, góp phần giáo dục và rèn luyện con người lòng dũng cảm, yêu nghề, yêu thiên nhiên, trọng nhân nghĩa và tình đoàn kết tương thân tương ái... nên cần được bảo tồn, phát huy và tiếp tục nghiên cứu.